

Số *07*/QĐ-THPM

Bình Dương, ngày 03 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2026 của Trường Tiểu học Phú Mỹ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 20/07/2026 của UBND Phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường (lần 4);

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân nhà nước năm 2026 của Trường Tiểu học Phú Mỹ (theo các biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài chính và bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận TC;
- Lưu: VT./.



Lê Thị Hồng Châu

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 369/QĐ-T.H.P.M ngày 23/8/2026 của T.H. Phú Mỹ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
I	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	38.664
I	Nguồn ngân sách trong nước	38.664
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	38.664
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.544
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	20.120
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày 03 tháng 8 năm 2016.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Lê Thị Hồng Châu



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1611/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026
cho các cơ quan, đơn vị cấp phường (lần 4)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc dự toán thu ngân sách nhà nước; dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026,

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Dương về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách phường Bình Dương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách phường Bình Dương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên



địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương về việc đính chính Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Dương về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường (lần 3);

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 628/TTr-KTKTĐT ngày 20/7/2026 về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường (lần 4) và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp phường.

(Đính kèm phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 được giao, đề nghị các cơ quan, đơn vị cấp phường tổ chức thực hiện dự toán đúng theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các chính sách, chế độ hiện hành. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách trong phạm vi được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đảng ủy, TT.HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT.UBND phường;
- KBNN khu vực II - Phòng giao dịch số 17;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Chí Thành



PHỤ LỤC 13
GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Mỹ
MSQHNS: 1045539 - Chương 822

Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: Kho bạc nhà nước khu vực II - Phòng giao dịch số 17
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã loại - khoản	Mã nguồn NSNN	Dự toán phân bổ năm 2026	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% (NQ24 5/2025/QH15)	Dự toán giao năm 2026	Điều chỉnh đợt này				Dự toán năm 2026			
								Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao	Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao
A	B	C	D	1	2	3	4=1-2-3	5	6	7	8=5-6-7	9=1+5	10=2+6	11=3+7	12=4+8
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp; thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí														
1	Số thu sự nghiệp			1.772			1.772	1.772				1.772			1.772
	-Thu cấp bù miễn Học phí năm học 2025-2026 theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND TP HCM: 0,08 triệu đồng/hs x 2.461hs x 9th			1.772			1.772	1.772				1.772			1.772
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp			1.772			1.772	1.772				1.772			1.772
	- Chi cấp bù miễn Học phí năm học 2025-2026 theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND TP HCM: 0,08 triệu đồng/hs x 2.461hs x 9th (tài khoản tiền gửi tại kho bạc của đơn vị)			1.772			1.772	1.772				1.772			1.772
II	Dự toán chi ngân sách Nhà nước			38.488	447	402	37.639	1.139	114	0	1.025	39.627	561	402	38.664
1	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo			38.488	447	402	37.639	1.139	114		1.025	39.627	561	402	38.664
1.1	Bậc Tiểu học			38.488	447	402	37.639	1.139	114		1.025	39.627	561	402	38.664
1.1.1	Kinh phí tự chủ	070-072	13	19.234	363	327	18.544	0				19.234	363	327	18.544
*	* Mã nguồn 13			19.234	363	327	18.544	0				19.234	363	327	18.544
	* Chi con người (lương BC + HĐ 111 chuyên môn + biên chế chưa tuyển):			18.161			18.161					18.161			18.161
	- Lương biên chế: 89 người			17.646			17.646					17.646			17.646
	+ Lương biên chế thực tế (lương, PC chức vụ, PCVK, PC thâm niên): 89 biên chế			13.908			13.908					13.908			13.908

STT	Nội dung	Mã loại - khoản	Mã nguồn NSNN	Dự toán phân bổ năm 2026	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% (NQ24/5/2025/QH15)	Dự toán giao năm 2026	Điều chỉnh đợt này				Dự toán năm 2026			
								Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao	Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao
A	B	C	D	1	2	3	4=1-2-3	5	6	7	8=5-6-7	9=1+5	10=2+6	11=3+7	12=4+8
	+ Phụ cấp trách nhiệm, PC ưu đãi			3.392			3.392					3.392			3.392
	+ Tăng 2% do nâng lương định kỳ			346			346					346			346
	- Lương biên chế chưa tuyển theo Quyết định phân bổ số 4439/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 (5 BC) <i>Lương bậc 1: Hệ số 2,34 x 12 th x 2,34tr x 121,5% x 5 người + (2,34*2,34*12*35%)</i>			515			515					515			515
	*Giảm trừ lương			-1.024			-1.024					-1.024			-1.024
	- Giảm trừ 40 % bù lương miễn học phí năm 2025 theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND TP HCM (40 %* 787tr)			-315			-315					-315			-315
	- Giảm trừ 40 % bù lương miễn học phí năm 2026 theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND TP HCM (40 %* 1.772tr)			-709			-709					-709			-709
*	*Chi hoạt động (NQ52/2025/NQ-HĐND): chi hoạt động thường xuyên(Quỹ tiền lương BC= (lương biên chế+ lương biên chế còn thiếu) x 20%) = (17.464+515) x 20%)			3.632	363	327	2.942					3.632	363	327	2.942
	* Giảm trừ hoạt động			-1.535			-1.535					-1.535	0	0	-1.535
	- Giảm trừ chi hoạt động từ nguồn thu học phí năm 2025 (60 %* 787tr)			-472			-472					-472			-472
	- Giảm trừ chi hoạt động từ nguồn thu học phí năm 2026 (60 %* 1.772tr)			-1.063			-1.063					-1.063			-1.063

STT	Nội dung	Mã loại - khoản	Mã nguồn NSNN	Dự toán phân bổ năm 2026	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% (NQ24 5/2025/QH15)	Dự toán giao năm 2026	Điều chỉnh đợt này				Dự toán năm 2026			
								Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao	Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao
A	B	C	D	1	2	3	4=1-2-3	5	6	7	8=5-6-7	9=1+5	10=2+6	11=3+7	12=4+8
1.1.2	Kinh phí không tự chủ			19.254	84	75	19.095	1.139	114		1.025	20.393	198	75	20.120
	Mã nguồn 12	070-072	12	3.656	84	75	3.497	1.139	114		1.025	4.795	198	75	4.522
	- Mua sắm trang thiết bị dạy học, Sửa chữa trường lớp (có mục tiêu)			690	69	62	559					690	69	62	559
	- Bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, Sửa chữa trường lớp (ngân sách phường)							1.139	114		1.025	1.139	114		1.025
	Chính sách nghỉ thôi việc theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Kinh phí làm thêm giờ theo Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT (có mục tiêu)			950			950					950			950
	- Miễn học phí, NĐ 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025: 2.461hs x 80.000đ x 9 tháng			1.772			1.772					1.772			1.772
	- giáo viên dạy trẻ khuyết tật			96			96					96			96
	- Chi HĐ chuyên môn ngành GD theo số học sinh (NQ52/2025/NQ-HĐND) theo số học sinh NH 2025-2026 : 2.461hs x 60.000d/hs/năm			148	15	13	120					148	15	13	120
	Mã nguồn 14	070-072	14	14.638			14.638					14.638			14.638
	- Chế độ thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND(Căn cứ CV số 12212/STC-ĐP ngày 07/11/2025 Sở TC thành phố HCM : (Hệ số lương, CV, VK)*Hệ số TNTT 1,5*2,34*12th =(342,04+4,45+1.05)= 347,54 x 1,5 x 2,34tr x 12th			14.638			14.638					14.638			14.638
	* Mã nguồn 18	070-072	18	960			960					960			960



STT	Nội dung	Mã loại - khoản	Mã nguồn NSNN	Dự toán phân bổ năm 2026	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% (NQ24 5/2025/QH15)	Dự toán giao năm 2026	Điều chỉnh đợt này				Dự toán năm 2026			
								Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao	Dự toán phân bổ	TK 10% CCTL giữ lại NS	TK thêm 10% CTX	Dự toán giao
A	B	C	D	1	2	3	4=1-2-3	5	6	7	8=5-6-7	9=1+5	10=2+6	11=3+7	12=4+8
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính Phủ: HSL: 342,04 x 2,34 trđ x 10% x 12th			960			960					960			960

Ghi chú:

1. Giao dự toán năm 2026 theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng (Cơ sở tính lương bảng lương tháng 11/2025)

2. UBND phường tiết kiệm:

- 10% dự toán chi thường xuyên năm 2026 để thực hiện CCTL. Nguồn CCTL tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu: thực hiện chính sách CCTL theo quy định của Chính phủ (bao gồm quỹ tiền thưởng); các chế độ, chính sách sử dụng nguồn CCTL; chi tăng thu nhập thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn CCTL) để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội."

3. NSNN đã bố trí chế độ tiền thưởng năm 2026 cho đơn vị theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính Phủ; công văn số 7585/BNV-TL ngày 26/11/2024 của Bộ Nội vụ. Đề nghị đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính Phủ; đến hết ngày 31/01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.